TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DS-PT
Ngày: 21/3/2025
V/v tranh chấp: *"Quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà
Các Thẩm phán:
Ông Đặng Văn Lộc
Ông Lâm Triệu Hữu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2025/TLPT-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp *"Quyền sử dụng đất"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/DS-ST, ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Hoàng E** - Sinh năm 1958; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị T** - Sinh năm 1955; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Võ Tấn T1** - Sinh năm 1992; nơi cư trú: Số C, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên lạc: Số B, L, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2022 - Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Phạm Văn H** – Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Văn H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Nguyễn Thị Bé N** - Sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện

V, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bà **Phạm Thị Á** - Sinh năm 1940; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Ông **Phạm Văn H1** - Sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Ông **Phạm Văn B** - Sinh năm 1949; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn B: Ông **Phạm Hoàng E** - Sinh năm 1958; nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2021 - Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông **Phạm Hoàng E** - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Hoàng E trình bày:*

Khoảng năm 1980, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Đ có nhận chuyển nhượng của cụ Lương Thị N1 phần đất trên 1.000m^2 với giá 30 giạ lúa, đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 03/9/2000, cụ Đ có làm văn bản phân chia phần diện tích đất 1.200m^2 mua của cụ N1 làm 5 phần cho anh chị của ông gồm Phạm Văn B, Phạm Thị Á, Phạm Thị T, Phạm Hoàng E, Phạm Văn H1; trên văn bản có chữ ký của bà Đ, bà Á, bà T và ông Hoàng E; riêng ông B và ông H1 không có mặt nên không có ký tên. Sau khi được chia đất, các anh chị em của ông Hoàng E thống nhất theo yêu cầu của bà Đ để cho bà T thay mặt đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bà T đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.050m^2, thửa 610. Năm 2003, bà T, bà Á và ông H1 đã chuyển nhượng 03 phần đất của mình được chia tổng diện tích 590m^2, thuộc thửa 610 cho ông B1; phần đất còn lại của thửa 610, diện tích 460m^2 là của ông Hoàng E và ông B. Sau này, ông B cho ông luôn phần đất của ông B tại thửa 610.

Năm 2008 xảy ra tranh chấp ranh giữa phần đất còn lại thửa 610 với ông Đặng Văn X và bà Lê Thị N2; bà T nói với ông Hoàng E rằng đất của ông Hoàng E thì ông Hoàng E tự giải quyết và bà T đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ ông Hoàng E giữ, và có lập tờ tặng cho đất ngày 25/8/2008 về việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm bằng chứng. Cũng trong ngày này, ông Hoàng E có tiến hành mời các hộ giáp ranh phần đất thuộc thửa 610 còn lại gồm bà Lê Thị N2, ông Đặng Văn X, ông Đặng Hoàng R xác định ranh đất cắm trụ ranh và ký vào văn bản xác định ranh gồm bà N2, ông X, ông R, bà T, bà Á, ông H1 và ông Hoàng E, có sự chứng kiến của Công an xã là ông Nguyễn Văn T2. Sau đó, ông Hoàng E đã bơm 02 ghe cát vào phần đất trên, không ai có ý kiến gì.

Khi Nhà nước có chương trình đo Vlap, ông Hoàng E ghi thông tin sử dụng đất thì bà T không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Ông Hoàng E quản lý, sử dụng đất nhưng ông thu hoa lợi trên đất thì bà T ngăn cản. Trên phần đất này, hiện có trồng khoảng trên dưới 10 cây dừa và có 04 ngôi mộ.

Ông Hoàng E thống nhất với kết quả đo đạc thửa đất tranh chấp, xác định diện tích đất tranh chấp theo hiện trạng là 502,6m^2.

Ông Hoàng E yêu cầu bà T trả lại cho ông phần đất có diện tích 502,6m^2 thuộc thửa 610, tờ bản đồ số 4, loại đất thổ vườn, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Phạm Thị T đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các cây trồng trên đất ông Hoàng E không tranh chấp; các ngôi mộ trên đất ông cũng không tranh chấp, đề nghị giữ nguyên hiện trạng.

** Bị đơn Phạm Thị T (do ông Võ Tấn Trung đại D) trình bày:*

Phần đất tranh chấp do bà T nhận chuyển nhượng của cụ Lương Thị N1 năm 1980. Khi nhận chuyển nhượng, các bên xác định khoảng 01 công đất vườn, giá mua 30 giạ lúa; bà T đã giao đủ 30 giạ lúa cho cụ N1. Thời điểm nhận chuyển nhượng phần đất trên đất có mấy cây dừa, mộ của ba và bác của bà T. Bà T trực tiếp quản lý sử dụng phần đất này từ năm 1980. Bà T đã thực hiện đầy đủ thủ tục kê khai đăng ký, đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên theo đúng trình tự, thủ tục; sau đó, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào Tháng 02/2001 với số thửa đất là 610, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.050m^2, loại đất thổ vườn. Năm 2003, bà T có chuyển nhượng cho ông B1 phần đất diện tích 590m^2 đất vườn. Thửa 610 còn lại 460m^2 đất thổ vườn, kết quả đo đạc thực tế là 502,6m^2. Hiện nay, trên phần đất tranh chấp có một số cây dừa và chuối, ngoài ra còn có 04 ngôi mộ của thân nhân trong gia đình.

Bà T có yêu cầu phản tố, yêu cầu được công nhận phần đất diện tích 502,6m^2 thửa là 610, tờ bản đồ số 4 đất thổ vườn, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Phạm Thị T cùng các cây trồng trên đất; yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng các ngôi mộ trên đất. Ngoài ra, bà T yêu cầu ông Hoàng E, bà Bé N phải trả cho bà Tư bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 610 đang tranh chấp; tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà T rút lại yêu cầu này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Á trình bày:*

Bà Á biết đất này do bà T nhận chuyển nhượng của cụ N1 giá 30 giạ lúa, diện tích cụ thể bao nhiêu thì bà Á không biết. Bà Á cho rằng bà không có liên quan gì với phần đất này, đất là của bà T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H1 trình bày:*

Ông H1 biết đất này do bà T nhận chuyển nhượng của cụ N1 giá 30 giạ lúa, diện tích cụ thể bao nhiêu thì ông không biết. Ông H1 cho rằng ông không có liên quan gì với phần đất này, đất là của bà T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bé N trình bày:*

Bà là vợ của ông Phạm Hoàng E. Bà thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu của ông Hoàng E.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn B (do ông Hoàng E đại diện) trình bày:*

Ông B thống nhất với yêu cầu của ông Hoàng E.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/DS-ST, ngày 04/11/2024, Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 75, Điều 85, Điều 102, Điều 144; Điều 147; Điều 165; Điều 166; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 138, Điều 189 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng E về việc yêu cầu bà Phạm Thị T trả lại cho ông phần đất có diện tích 502,6m^2 thửa 610, tờ bản đồ số 4, đất thổ vườn, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Phạm Thị T cùng các cây trồng trên đất, các ngôi mộ trên đất không tranh chấp, đề nghị giữ nguyên hiện trạng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị T có anh Võ Tấn T1 làm đại diện theo ủy quyền.

Công nhận cho bà Phạm Thị T được quyền sử dụng phần đất diện tích 502,6m^2 thửa 610, tờ bản đồ số 4, loại đất thổ vườn, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cùng các cây trồng trên đất. Các ngôi mộ trên đất không tranh chấp, được giữ nguyên hiện trạng. (có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu: buộc ông Hoàng E, bà Bé N phải trả cho bà Tư bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 610 đang tranh chấp.

Công nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị T trả ông Phạm Hoàng E tiền san lấp cát là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/11/2024, nguyên đơn Phạm Hoàng E kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 165/2024/DS-ST, ngày 04/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Phạm Hoàng E thay đổi một phần kháng cáo, ông yêu cầu: Công nhận cho bà Phạm Thị T được quyền sử dụng đất thửa 462, diện tích 502,6m^2, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cùng toàn bộ cây trồng trên đất. Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng E tiền cát san lấp mặt bằng và công sức cải tạo đất với số tiền là 45.000.000đ. Ông Hoàng E tự nguyện trả lại cho bà Tư bản C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 610 (thửa mới là thửa 462).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Phạm Thị T thống nhất với yêu cầu và sự tự nguyện nêu trên của ông Hoàng E.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Văn B (do ông Phạm Hoàng E đại diện), bà Phạm Thị Á, ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị Bé N thống nhất với sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Phạm Thị T đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoàng E.

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn Phạm Hoàng E và bị đơn Phạm Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bé N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/DS-ST, ngày 04/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận cho bà Phạm Thị T được quyền sử dụng phần đất diện tích 502,6m^2, tờ bản đồ số 4, loại đất thổ vườn, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cùng các cây trồng trên đất. Các ngôi mộ trên đất không tranh chấp, được giữ nguyên hiện trạng (theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất).

Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Hoàng E tiền bồi lấp cát và công sức với số tiền là 45.000.000đ.

Ông Hoàng E không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Phạm Hoàng E, bị đơn Phạm Thị T (do ông Võ Tấn Trung đại D) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn B, Phạm Thị Á, Phạm Văn H1 và Nguyễn Thị Bé N đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận cho bà Phạm Thị T được quyền sử dụng thửa đất 462, tờ bản đồ số 11, diện tích 502,6m^2, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cùng toàn bộ cây trồng trên đất; phần đất này gồm các mốc 1,2,3,4,1 theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 20/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Phạm Thị T ngày 06/02/2021, được chỉnh lý biến động ngày 26/12/2003, thì phần đất này thuộc thửa 610, tờ bản đồ số 4, diện tích 460m^2, loại đất thổ +vườn, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Hoàng E tiền cát san lấp mặt bằng và công sức cải tạo đất tổng cộng là 45.000.000đ.

- Ông Phạm Hoàng E tự nguyện trả lại cho bà Phạm Thị Tư B2 chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 610, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Phạm Thị T ngày 06/02/2001, được chỉnh lý biến động ngày 26/12/2003.

[2] Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoàng E, thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí:

Bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà Phạm Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Hoàng E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoàng E.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2024/DS-ST ngày 04/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Công nhận cho bà Phạm Thị T được quyền sử dụng thửa đất 462, tờ bản đồ số 11, diện tích 502,6m^2, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cùng toàn bộ cây trồng trên đất; phần đất này gồm các mốc 1,2,3,4,1 theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 20/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Vĩnh Long đính kèm Bản án (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Phạm Thị T ngày 06/02/2021, được chỉnh lý biến động ngày 26/12/2003, thì phần đất này thuộc thửa 610, tờ bản đồ số 4, diện tích 460m^2, loại đất thổ +vườn, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long).

1.2. Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Hoàng E tiền cát san lấp mặt bằng và công sức cải tạo đất tổng cộng là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Ông Phạm Hoàng E tự nguyện trả lại cho bà Phạm Thị Tư B2 chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 610, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Phạm Thị T ngày 06/02/2001, được chỉnh lý biến động ngày 26/12/2003.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Hoàng E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị T.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Hoàng E không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm về phần các ngôi mộ trên đất và phần chi phí tố tụng không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà